

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09-7-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đông Hà.

Bà Nguyễn Thị Tua.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXX-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn N B, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú: ấp Vĩnh Quới, xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, *có mặt*.

Bị đơn: Anh Đặng Văn M, sinh năm 1968.

Hộ khẩu thường trú: ấp Vĩnh Quới, xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, *có mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn N B và anh Đặng Văn M chung sống từ năm 2009, đến năm 2011 đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu

Giang. Hôn nhân thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2018 không hạnh phúc, tháng 8/2019 chị B về nhà cha mẹ ruột sống đến nay; Con chung: Có 02 con chung tên Đặng Anh T (nam) sinh ngày 15/4/2011 và Đặng Khánh N (nữ), sinh ngày 11/5/2013; Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; Nợ chung: Không.

Nguyên đơn chị Nguyễn N B yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Văn M. Anh Đặng Văn M không đồng ý ly hôn. Con chung: Chị B và anh M thỏa thuận chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Anh T, anh M nuôi dưỡng cháu Đặng Khánh N, chị B anh M chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài liệu chứng cứ kèm theo yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); Bản tự khai Nguyễn N B (01 bản chính); Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh tên Đặng Khánh N, Đặng Anh T (bản sao), đơn xác nhận (bản chính), trích lục cải chính hộ tịch (bản sao).

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn N B và bị đơn anh Đặng Văn M trình bày và giữ nguyên yêu cầu như quá trình thu thập chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thống nhất quá trình thu thập chứng cứ của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án.

Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn; Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn chịu theo Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tố tụng: Chị Nguyễn N B có gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đặng Văn M và được nuôi con chung, nên Tòa xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, nuôi con. Đây là vụ án về hôn nhân gia đình, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Địa chỉ của bị đơn anh Đặng Văn M ấp Vĩnh Quới, xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy giải quyết là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật về thẩm quyền.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn N B và anh Đặng Văn M chung sống từ năm 2009, đến năm 2011 đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của chị B, anh M hợp pháp. Ngày 17/12/2019 chị Nguyễn N B có yêu cầu ly hôn, cho rằng từ năm 2017 đến nay vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng bất hòa, không tin tưởng lẫn nhau. Chị B xác định không còn tình cảm với anh M. Anh Đặng Văn M cho rằng vợ chồng không cãi vã, cũng không đánh nhau, do anh M không đồng ý chị B đi làm xa, muốn chị B ở nhà trông 02 con, không muốn con thiếu cha hoặc mẹ nên không đồng ý ly hôn. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau.....” nhưng theo thừa nhận của chị Nguyễn N B thì tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc do không còn tình cảm với anh M. Tại tòa chị B anh M xác định vợ chồng hiện tại không còn sống chung với nhau từ tháng 8 năm 2019 đến nay, qua trình bày của anh M chị B tại tòa xác định giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn, cả hai anh chị cũng không giải quyết được mâu thuẫn. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị B, anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B.

[3]. Con chung: chị Nguyễn N B và anh Đặng Văn M thừa nhận có 02 con chung tên Đặng Anh T (nam) sinh ngày 15/4/2011 và Đặng Khánh N (nữ), sinh ngày 11/5/2013. Chị B và anh M thỏa thuận chị B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Anh T (nam) sinh ngày 15/4/2011, anh Đặng Văn M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Đặng Khánh N (nữ), sinh ngày 11/5/2013. Sự thỏa thuận này giữa hai đương sự là tự nguyện và phù hợp quy định tại theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Cấp dưỡng: Chị Nguyễn N B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đặng Anh T (nam) sinh ngày 15/4/2011, Anh Đặng Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đặng Khánh N (nữ), sinh ngày 11/5/2013 nhưng chị B, anh M chưa yêu cầu cấp dưỡng, nên Tòa chưa xem xét.

[5]. Tài sản chung: Chị Nguyễn N B và anh Đặng Văn M Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

[6]. Nợ chung: Chị Nguyễn N B và anh Đặng Văn M khai không có, nên không xem xét.

[7]. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn N B nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8]. Về phát biểu đề nghị của kiểm sát viên tại phiên toà. Xét, phát biểu về thủ tục tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, Toà chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn N B được ly hôn với anh Đặng Văn M.

2. Con chung: Chị Nguyễn N B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đặng Anh T (giới tính: nam) sinh ngày 15/4/2011. Anh Đặng Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đặng Khánh N (giới tính: nữ), sinh ngày 11/5/2013.

Chị Nguyễn N B và anh Đặng Văn M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đặng Anh T và Đặng Khánh N không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn: Chị Nguyễn N B chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị B đã nộp tạm ứng án phí khởi kiện theo biên lai thu số 0000849 ngày 17/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành án phí.

4. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Đã ký

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Nguyễn Đông Hà – Nguyễn Thị Tua

Phạm Thị Tuyết Mai